

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 161/2024/DS-ST  
Ngày 27 tháng 6 năm 2024  
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Sĩ Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Lê K T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Nhà không số, ấp 0, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ V P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đường N, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Bị đơn:** - Ông Hồ Văn Đ (vắng mặt)

- Bà Đặng N M, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 00, đường L, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê K T trình bày:** Ngày 18/12/2022 ông Hồ Văn Đ và bà Đặng N M có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn trả lại tiền vay gốc là 01 năm kể từ ngày vay. Bà đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ, bà M nhận tại nhà của bà, ông Đ và bà M có viết biên nhận nợ giao cho bà quản lý. Từ khi vay tiền đến nay, ông Đ và bà M đóng lãi được 1.500.000 đồng, từ tháng 9/2023 ông Đ

và bà M không đóng lãi và không trả tiền vay vốn cho bà. Bà khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà M phải trả cho bà số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 18/12/2022 đến ngày 18/01/2024 là 13 tháng, mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền 2.158.000 đồng, trừ với số tiền lãi ông Đ và bà M đã trả 1.500.000 đồng, còn lại số tiền lãi phải trả là 658.000 đồng. Tổng vốn và lãi phải trả là 10.658.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định đến ngày xét xử.

**Tại đơn xin vắng mặt ngày 05/4/2024, bị đơn ông Hồ Văn Đ trình bày:** Trước đây bà T có cho vợ ông vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 800.000 đồng/tháng. Sau khi vợ ông đóng lãi không nổi thì có xin bà T tiền lời, bà T nói không đóng lời nữa thì hàng tháng phải trả vốn cho bà 1.000.000 đồng. Ông có đóng cho bà T 02 lần là 1.500.000 đồng nhưng gì tiền chưa có đúng hẹn ông xin bà T từ từ ông có tiền ông đóng. Bà T không đồng ý, nhấn tin nặng nhẹ ông. Nay ông đồng ý trả số tiền vốn còn lại cho bà T nhưng xin trả hàng tháng 500.000 đồng. Về phần tiền lãi thì ông không đồng ý.

**Tại biên bản ghi ý kiến trình bày ngày 13/5/2024, bà Đặng N M trình bày:** Khoảng tháng 12/2022 âm lịch, bà có vay của bà Lê K T số tiền 10.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, biên nhận do bà viết, trong biên nhận thì không có ghi lãi suất, nhưng hai bên có thỏa thuận tiền lãi là 800.000 đồng/tháng, đóng lãi hàng tháng. Bà đóng lãi đến khoảng tháng 10/2023 âm lịch thì bà xin ngưng không đóng lãi nữa, những lần đóng lãi trước đó thì không có giấy tờ. Bà T có nói là cho vợ chồng bà trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền vốn cho đến khi hết nợ, không trả lãi nữa, cho nên tháng 11/2023 thì vợ chồng bà đã trả 1.000.000 đồng tiền vốn, đến tháng 12/2023 thì trả tiếp 500.000 đồng vốn, còn nợ lại tiền vốn 8.500.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà chậm trả tiền vốn cho bà T nên bà T mới khởi kiện ra Tòa.

**Tại phiên tòa:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý trả tiền vốn còn nợ 8.500.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vay vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 18 tháng và trừ số tiền lãi đã trả 1.500.000 đồng. Tổng vốn và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 11.488.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Các đương sự thống nhất về số tiền vay vốn 10.000.000 đồng, vay tháng 12/2022, có viết biên nhận nợ ngày 18/12/2022, nhưng không thống nhất về lãi suất đã thỏa thuận và khoản tiền đã trả. Nguyên đơn cho rằng khi vay thì

hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, còn số tiền 1.500.000 đồng là tiền lãi mà bị đơn đã trả từ khi vay đến tháng 9/2023 thì ngưng không trả vốn và lãi cho cho đến nay. Bị đơn thì cho rằng lãi suất thỏa thuận khi vay là 800.000 đồng/tháng, bị đơn đã đóng lãi đầy đủ hàng tháng, đóng lãi đến khoảng tháng 10/2023 thì ngưng. Số tiền 1.500.000 đồng là tiền vốn mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn vì hoàn cảnh khó khăn nên nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả vốn hàng tháng 1.000.000 đồng, không trả lãi nên số tiền vay vốn còn nợ lại là 8.500.000 đồng.

Thấy rằng, việc bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn từ khi vay đến khoảng tháng 10/2023 với số tiền lãi hàng tháng đã trả là 800.000 đồng thì không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận. Đối với số tiền đã trả 1.500.000 đồng, bị đơn cho rằng là trả tiền vốn và chứng cứ chứng minh cho việc trả vốn này là tin nhắn trao đổi giữa bà T với bà M. Bà M xác định nội dung tin nhắn chỉ có thể hiện nội dung là “cứ mỗi tháng trả 1.000.000 đồng...” không thể hiện rõ nội dung là trả vốn, không trả lãi như bà M trình bày. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

Từ nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn 10.000.000 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 18/12/2022 đến ngày xét xử là 18 tháng (làm tròn), mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi là 2.988.000 đồng, đối trừ số tiền lãi đã trả 1.500.000 đồng, số tiền lãi còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.488.000 đồng.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn dự nộp án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật là 556.400 đồng. Bị đơn bà Đặng N M thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn án phí theo quy định. Đối với bị đơn là ông Hồ Văn Đ, bà Mai là vợ ông Đ xác định ông Đ sinh năm 1964 nhưng không cung cấp căn cước công dân để chứng minh và không có đơn xin miễn án phí. Do đó, ông Đ phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê K T. Buộc ông Hồ Văn Đ và bà Đặng N M có nghĩa vụ trả cho bà Lê K T tổng số tiền 11.488.000 đồng (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi*

*hành án.*

2/ Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Lê K T và bà Đặng N M được miễn án phí theo quy định.
- Ông Hồ Văn Đ phải chịu án phí 287.200 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê K T và bị đơn bà Đặng N M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Hồ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**